TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ -ST
Ngày 02/8/2022
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Lương Hồng
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hậu - Cán bộ nghỉ hưu
Bà Nguyễn Thị Kim Huyền – Cán bộ phòng LĐTBXH huyện

-***Thư ký phiên toà***: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
- ***Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hảo- Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 08 năm 2022 Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2022/TLST - HNGĐ ngày 17/5/2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 14/7/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993 (có mặt)
Trú tại: ĐL, ND, KĐ, Hưng Yên
- *Bị đơn*: Anh Chu Xuân Ng, sinh năm 1991 (có mặt)
- *Người có QLNV liên quan:* Cháu Chu Đức M, sinh ngày 03/01/2013 (có mặt)
Người đại diện hợp pháp của cháu M: Anh Ng– Bố đẻ của cháu
Đều trú tại: LM,PU,ÂT, Hưng Yên
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu M: Bà Đỗ Minh Ánh – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2022 và lời khai của chị Th trình bầy: Chị và anh Ng tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân. Sau khi cưới chị về ngay gia đình chồng chung sống, chung sống vài tháng đầu vợ chồng không có xích mích, sau vài tháng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn giữ vợ chồng, với mẹ chồng và thường xuyên xảy ra xích mích cả với các chị chồng. Cuối năm 2012, anh chị sinh được 1 con, khi con được 18 tháng thì vợ chồng xích mích, anh Ng đuổi chị về và chở chị giao trả cho bố mẹ, sau đó khoảng hơn 10 ngày anh Ng vào xin lỗi gia đình

chị và chị để đón chị về, chị đồng ý quay về. Sau khi quay về do hoàn cảnh khó khăn và quá áp lực từ nhà chồng, bố mẹ chị lo tiền cho vợ chồng đi Đài Loan vào năm 2014. Chị ở Đài Loan 3 năm, còn anh Ng ở Đài Loan 7 năm. Chị về trước ở nhà trông con, chị đi làm công ty, tiền chị kiếm được lo cho gia đình ở nhà, trong thời gian anh Ng ở Đài Loan không hề gửi tiền về cho chị. Thời gian ở nhà áp lực từ gia đình quá lớn có những lúc chị không thể chịu nổi, đầu tiên áp lực từ mẹ chồng, soi mói từ bữa ăn, cũng như thời gian đi làm, còn đổi cho chị ăn trộm cái bánh, hộp sữa mang về cho gia đình, chị đi đâu, làm gì gọi điện cho anh Ng để mách, phía chị chồng thì thường xuyên về xích mích, gây mâu thuẫn và dẫn đến tranh cãi với chị, năm 2020 có mâu thuẫn tranh cãi với chị chồng nên chị không chịu nổi áp lực đã về nhà bố mẹ đẻ ở, sau 1 tháng anh Ng về và vào xin lỗi đón chị về rồi tiếp tục sang Đài Loan. Về phía anh Ng thì gia trưởng, bảo thủ, bắt chị làm theo mọi thứ, kiểm soát chị từ mua bán gì, hay đi đâu làm gì, còn lắp camera trong nhà để theo dõi chị, cả việc chị vào trong nhà bố mẹ đẻ chơi cũng kiểm soát. Chị cảm thấy sống trong môi trường quá áp lực, căng thẳng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh Ng.

Về con chung: Có 01 con chung là Chu Đức M, sinh năm 2013.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị giải quyết

Tại lời khai anh Ng trình bày: Anh chị có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng vào năm 2012. Sau khi cưới chị Th về ngay gia đình anh chung sống. Quá trình chung sống anh chị chung sống vui vẻ và sinh được 1 con chung. Được gần 02 năm thì anh sang Lào làm ăn, sau khi sang Lào được 01 năm thì anh về nước, do hoàn cảnh gia đình khó khăn và hay có hiểu lầm nhau nên anh chị quyết định sang Đài Loan, con để lại cho bà nội chăm, vợ chồng sang bên đó vẫn vui vẻ, hòa thuận, được 03 năm hết hợp đồng chị Th về nước, anh và anh rể anh xin cho vào công ty làm phiên dịch, anh đi tiếp 4 năm, nhưng hàng năm anh vẫn về thăm vợ con, đến nay anh về nước thì chị Th nói là áp lực gia đình muốn ly hôn, anh muốn giờ về Việt Nam muốn cho vợ, cho con một cơ hội để bù đắp khoảng thời gian xa cách nhau và mong muốn cho con được gia đình hoàn chỉnh, còn anh cũng biết chị Th ở nhà áp lực nhiều, khổ nhiều nên anh cũng biết trân trọng chị Th, nhưng chị Th không hiểu lại nghĩ anh gia trưởng và lọ kia, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Có 01 con chung là Chu Đức M, sinh năm 2013. Anh nhận nuôi con chung.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị Lý (mẹ đẻ của anh Ng): Anh chị đến với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng, sau khi cưới chị Th về ngay gia đình bà chung sống. Quá trình chung sống bà thấy anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 1 con chung, sau đó anh chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị Th đi được 3 năm thì về nước, mẹ con ở với nhau, chị Th đi làm công ty, khoảng 01 năm trước bà ngã gãy xương, chị Th mang con về nhà bố mẹ đẻ ở, bà có tham gia thì chị Th lại mang con về, sức khỏe bà yếu muốn có cháu bầu bạn, nhưng bà nói chị Th không nghe, trong quá trình chung sống mẹ con có xích mích

nhưng theo bà không to tát gì. Sau đó chị Th dọn quần áo mang con xin vào ông bà ngoại ở, bà đành chấp nhận. Cuối năm 2021 anh Ng về nước vào đón mẹ con chị Th về nhưng chị Th không về, mà chỉ có con về. Mỗi lần Ng đi làm thỉnh thoảng có vào trong nhà chị Th nói chuyện để vợ chồng về ở với nhau nhưng không có kết quả, chị Th đi làm ở Phù Ủng, vào đón con về chơi, bà có tham gia mẹ con có xích mích gì thì bỏ qua về ở với chồng để nuôi dạy con, chị Th không nói gì, chỉ nói xin đón con về chơi. Nay chị Th xin ly hôn anh Ngoc, bà mong muốn anh chị về ở với nhau để nuôi dạy con chung, còn việc anh chị có ở được với nhau hay không là quyền của anh chị.
Về con chung: Anh Ng, chị Th có 01 con chung là Chu Đức M, sinh năm 2013

Tại biên bản lấy lời khai bà Đặng Thị Mâu (mẹ đẻ của chị Th): Anh, chị đến với nhau là tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, sau đó về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị vào năm 2012. Sau khi cưới chị Th về ngay gia đình chồng chung sống, anh chị chung sống với gia đình chồng tại LM,PU,ÂT, Hưng Yên. Quá trình chung sống bà thấy anh chị hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 01con chung, Sau khi sinh con một thời gian thì vợ chồng bà vay tiền cho anh chị đi sang Đài Loan làm, anh chị sang đó được 3 năm thì về, chị Th về nuôi con, còn anh Ng tiếp tục sang đó để làm ăn. Chị Th ở nhà, gia đình anh Ng gồm có mẹ, 3 chị chồng đối xử vào chị Th không ra gì, chị Th không ở được về nhà bà khóc lóc, bà khuyên về ở để con có bố có mẹ, chị Th nghe lại về, nhưng về thì mẹ chồng đối xử tệ bạc hơn, chồng thì giám sát, nói về nhà mẹ chơi mà anh Ng gọi về hỏi là chị Th vào trong nhà mấy giờ, không cho đi chơi bạn bè, tiền thì không gửi về cho chị Th để lo cho con, trong đó mọi việc chi tiêu gia đình đều do chị Th phải lo, ở nhà mẹ chồng nàng dâu xích mích, chị thứ hai của anh Ng còn về bắt chị Th sang nhà chị gái lớn quỳ xin lỗi, sau đó chị Th không ở được về nhà bà lần thứ hai, khóc lóc, bà có bảo sao không gọi bà vào để xem các chị của anh Ng như thế nào, còn mẹ chồng mà như vậy, sau đó anh Ng về nước giải quyết, chị Th nghĩ đến con về nhà ở, bà có nói với anh Ng là đây là lần thứ 2 Th về đừng để có lần sau, anh Ng đồng ý, sau khi giải quyết xong anh Ng lại sang bên đó, ở nhà anh Ng cùng gia đình tự ý lắp camera, chị Th cũng không biết, để giám sát chị Th, mãi sau này chị Th mới biết, ở nhà mẹ chồng đối cho Th ăn cắp nào là sữa, bánh kẹo mang về cho bố mẹ, mất áo thì bà bảo mang để làm bừa, chị Th bức xúc, ở thấy ngột ngạt nên lần thứ 3 chị về nhà bà, trước tết thì anh Ng về nước hẳn, có vào đón chị Th về thì chị Th nói không về vì không thể ở với mẹ chồng được, bà có bảo cho đất để làm nhà thì anh Ng không đồng ý vào ở, ngày 13/6/2022 anh Ng cùng mẹ chồng, chú vào trong nhà bà, vợ chồng bà cũng khuyên, chị Th bức xúc nói hết thì mẹ chồng ngồi yên không nói gì, còn chú thì nói là vợ chồng không ở được với nhau thì là quyền của các cháu, từ đó anh Ng vào nhà bà có một lần mang con vào, sau đó hôm sau đón thì anh Ng gọi điện thoại vào bảo không được ăn cơm, anh Ng đe dọa chị Th, chị Th sợ quá nên định báo cáo xã, bà có bảo anh rể anh Ng là bảo anh Ng, nếu sau xảy ra sự việc gì thì đừng có trách, vì vậy anh Ng nói vợ chồng bà không biết dạy con. Nay chị Th xin ly hôn anh Ng, chị Th đã kiên quyết xin ly hôn vì đây là lần thứ 3 chị Th về nhà bà nên bà mong Tòa giải quyết cho các cháu ly hôn để giải phóng cho anh chị.

Về con chung: Anh Ng, chị Th có 01 con chung là Chu Đức M, sinh năm 2013. Hiện nay cháu đang ở với bố.
Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các cháu có có những gì nữa tôi không rõ.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Phù Ủng: Chị Th, anh Ng là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng vào ngày 03/8/2012 tại số 52. Sau khi thành vợ chồng chi Th, anh Ng chung sống với bà Lý tại La Mát, Phù Ủng. Một vài năm sau chị Th, anh Ng đi xuất khẩu lao động, anh Ng về nước cuối năm 2021. Quá trình chị Th, anh Ng chung sống có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được.

Về con chung: Anh Ng, chị Th có 0 con chung là Chu Đức M, sinh năm 2013

Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 02/8/2022: Chị Th, anh Ng, bà Ánh có mặt. Chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Ng mong muốn vợ chồng về ở với nhau

Bà Đỗ Minh Ánh – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu M trình bày: Anh Ng, chị Th có 01 cháu Chu Đức M, quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Th muốn được nuôi cháu M nhưng chị Th cũng tôn trọng quyết định của cháu M. Trong vụ án này, hiện nay cháu M đang ở với anh Ng, việc nuôi con và học tập của cháu do anh Ng đang chăm sóc và dạy dỗ. Anh Ng hiện đang làm công việc tự do với xưởng cơ khí mở tại nhà thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/ tháng, anh Ng cũng có nguyện vọng được nuôi con, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cháu M đều có nguyện vọng mong muốn được ở với bố, do đó anh Ng có điều kiện, thời gian để chăm sóc con. Ngoài ra trong thời gian anh Ng làm việc mẹ đẻ anh Ng vẫn hỗ trợ trông nom, chăm sóc cháu. Vì vậy, đề nghị HĐXX giao cho anh Ng nuôi cháu M, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

+ Về đường lối giải quyết:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Khoản 1 Điều 51, 56, 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Chu Xuân Ng.

- Về con chung: Giao cháu Chu Đức M, sinh năm 2013 cho anh Ng tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu M đủ 18 tuổi, chị Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Ng. Chị Th có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Không xem xét giải quyết.

- Án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th, anh Ng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng vào ngày 03/8/2012. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Th, anh Ng là hợp pháp. Nay chị Th có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh Ng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại LM,PU,ÂT, Hưng Yên nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị Th xác định sau khi sinh con được 18 tháng tuổi thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xích mích giữa chị Th với mẹ chồng, các chị chồng nên anh Ng đuổi chị Th về, khoảng 10 ngày sau thì anh Ng vào xin lỗi, vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, cả anh Ng, chị Th xác định chung sống với mẹ chồng có nhiều hiểu lầm, mâu thuẫn nên anh Ng, chị Th cùng nhau sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Sau 3 năm, chị Th hết hạn hợp đồng về nước, còn anh Ng tiếp tục đi lao động. Trong thời gian anh Ng và chị Th sống xa nhau, chị Th chung sống với mẹ chồng tại La Mát, Phù Ủng đã xảy ra mâu thuẫn, trầm trọng vào năm 2020, do căng thẳng và nhiều áp lực nên chị Th xác định không ở được về nhà bố mẹ đẻ ở, anh Ng đã phải nghỉ phép về nước giải quyết mâu thuẫn trong gia đình. Sau lần này anh Ng lại đi, anh Ng tự ý lắp camera, chị Th không biết, chị Th cho rằng việc này của anh Ng là để theo dõi chị, còn anh Ng khẳng định không có việc đó mà việc anh lắp camera để xem tình hình ở gia đình. Giữa chị Th và gia đình chồng vẫn xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh Ng cũng đã thừa nhận, anh Ng xác định thời gian vợ chồng xa cách nên tình cảm lạnh nhạt. Tại phiên tòa chị Th xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh Ng luôn nghi ngờ chị nên đề nghị giải quyết được ly hôn anh Ng. Về phía anh Ng anh không đồng ý ly hôn vì anh mong muốn con có một

gia đình hoàn chỉnh, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, anh Ng đã tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Th không đồng ý về ở, sau đó anh Ng đã có lời lẽ xúc phạm gia đình chị Th, việc mâu thuẫn giữa chị Th, anh Ng, giữa chị Th và gia đình chồng phù hợp với lời khai của bà Mâu (mẹ đẻ của chị Th), phù hợp với lời khai của bà Lý (mẹ đẻ của anh Ng). Mâu thuẫn của anh Ng, chị Th đã xảy ra từ khi chị Th sinh con được 18 tháng tuổi, hơn nữa trong quá trình chung sống ngoài mâu thuẫn với anh Ng, chị Th còn mâu thuẫn với gia đình chồng, chị Th đã về nhà bố mẹ đẻ ở 3 lần, bản thân anh Ng mong muốn vợ chồng về ở nhưng anh không có biện pháp gì để khắc phục, dung hòa mối quan hệ giữa mẹ chồng, chị chồng và chị Th, giữa anh Ng và chị Th không còn tin tưởng nhau, tình cảm vợ chồng nguội lạnh, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa chị Th, anh Ng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Ng, chị Th không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa, mâu thuẫn trong gia đình kéo dài vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Th, anh Ng có 01 con chung là Chu Đức M, sinh năm 2013. Hiện nay cháu M đang ở với anh Ng. Quá trình giải quyết vụ án chị Th, anh Ng thống nhất thỏa thuận để anh Ng tiếp tục nuôi con chung. Tại phiên tòa, chị Th, anh Ng đều có nguyện vọng được nuôi con chung, nhưng chị Th tôn trọng quyết định của cháu M. Xét nguyện vọng của anh Ng, chị Th thể hiện trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ, tuy nhiên, cháu M có nguyện vọng được ở với bố, xét điều kiện trông nom, chăm sóc con chung, anh Ng đang mở cửa hàng cơ khí tại địa phương, có thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng, từ khi về nước anh Ng vẫn trông nom, chăm sóc con chung từ ăn, ở đến học tập. Còn chị Th đang làm việc tại Ninh Bình, để tránh xáo trộn việc học tập và sinh hoạt của con chung, HĐXX giao cháu M cho anh Ng tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là đảm bảo mọi mặt của con. Về cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Ng không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Ng, chị Th có quyền đi lại thăm nom con chung, chăm sóc con chung, không được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: Chị Th, anh Ng không yêu cầu giải quyết

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Chu Xuân Ng

2- Về con chung: Giao cháu Chu Đức M, sinh ngày 03/01/2013 cho anh Chu Xuân Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu M đến tuổi thành niên. Chị Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Ng. Chị Th có quyền đi lại thăm nom con chung, không được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4 - Về án phí : Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Th đã nộp tại biên lai số 0003797 ngày 17/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị Th đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Chị Th, anh Ng có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Phòng GĐKT và THA tỉnh;
-VKSND + THADS huyện;
-Đương sự;
-UBND xã Phù Ủng - Ân Thi;
-Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Lương Hồng